

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

---



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NGÀNH: TIẾNG ANH  
MÃ NGÀNH: 6220206**

**BÀ RỊA – VŨNG TÀU, THÁNG 9 NĂM 2023**



Số: 179/QĐ-CĐSP

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 18 tháng 9 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo

### HIỆU TRƯỞNG

#### TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng trường Cao đẳng được quy định tại Điều 10, Điều lệ trường cao đẳng sư phạm ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ vào Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật và ngôn ngữ;

Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 90 ngành, nghề đào tạo;

Căn cứ vào các biên bản họp Hội đồng điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành năm học 2023-2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 6 chương trình đào tạo các ngành học sau đây:

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Trình độ
1	Giáo dục Mầm non	51140201	Cao đẳng
2	Công nghệ thông tin	6480201	Cao đẳng
3	Kế toán	6340301	Cao đẳng
4	Quản trị văn phòng	6340403	Cao đẳng
5	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng
6	Tiếng Nhật	6220212	Cao đẳng

(văn bản kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm học 2023-2024 đồng thời thay thế Quyết định số 218/QĐ-CĐSP và Quyết định số 219/QĐ-CĐSP ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành chương trình đào tạo của 6 ngành trên.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, viên chức và sinh viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo trường (chi đạo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTHTQT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Phan Thế Hải**

Bà Rịa, ngày tháng 9 năm 2023

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/QĐ – CĐSP ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu)

<b>Tên ngành, nghề:</b>	<b>TIẾNG ANH.</b>
<b>Mã ngành, nghề:</b>	6220206.
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Cao đẳng.
<b>Hình thức đào tạo</b>	Chính quy.
<b>Phương thức đào tạo:</b>	Hệ thống tín chỉ.
<b>Đối tượng tuyển sinh:</b>	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
<b>Thời gian đào tạo:</b>	2,5 đến 3 năm.

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh phải có phẩm chất, chính trị, tư tưởng vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức sống và làm việc theo pháp luật, có sức khỏe và kỹ năng giao tiếp xã hội; có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng được tiếng Anh, có khả năng về chuyên môn và nghiệp vụ để đảm nhận nhiệm vụ được giao.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### **MT1. Kiến thức**

**MT1.1.** Vận dụng được hệ thống tri thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

**MT1.2.** Trình bày được các quy định cơ bản, cần thiết về tính đặc thù của ngành, nghề khi làm việc với đối tác là người nước ngoài, đảm bảo không gây ảnh hưởng phương hại đến bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia.

**MT1.3.** Nắm vững các kiến thức tiếng Anh ở mức độ ít nhất là tương đương trình độ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam bao gồm các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa ...

**MT1.4.** Nắm vững kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của các quốc gia sử dụng tiếng Anh.

**MT1.5.** Xác định và trình bày kiến thức nghề nghiệp, nghiệp vụ chuyên môn trong các lĩnh vực nghề nghiệp hành chính văn phòng, học vụ, thương mại, du lịch, nhà hàng, khách sạn, biên-phiên dịch và giảng dạy Tiếng Anh.

**MT1.6.** Phân biệt được điều kiện công tác ở Việt Nam cũng như nước ngoài tại nhiều khu vực ngành, nghề khác nhau trong môi trường quốc tế hóa, toàn cầu hóa.

**MT1.7.** Có trình độ ngoại ngữ Tiếng Nhật N5 hoặc tương đương bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**MT1.8.** Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

### ***MT2. Kỹ năng***

**MT2.1.** Giới thiệu được các đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa, xã hội của các quốc gia sử dụng Tiếng Anh.

**MT2.2.** Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ ít nhất là tương đương trình độ bậc 4 (B2) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn thông thường.

**MT2.3.** Đạt được trình độ nghiệp vụ cơ bản để hoạt động trong các lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành dịch thuật, thương mại, du lịch, nhà hàng, khách sạn và giảng dạy.

**MT2.4.** Vận dụng kiến thức một cách linh hoạt, có kỹ năng làm việc nhóm. tự duy phân biện trong hoạt động chuyên môn.

**MT2.5.** Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

**MT2.6.** Sử dụng được tiếng Nhật N5 tương đương bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

**MT2.7.** Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học.

**MT2.8.** Sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết, khả năng thích ứng với sự thay đổi của thực tế.

### ***MT3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm***

**MT3.1.** Chấp hành tốt các quy định pháp luật, chính sách của Nhà nước; Có phẩm chất chính trị tốt, ý thức trách nhiệm công dân, có lý tưởng và đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, luôn tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp.

**MT3.2.** Có ý thức trách nhiệm, tự học, không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ và giúp đỡ người khác; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Chịu trách nhiệm với kết quả công

việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Tuân thủ các nguyên tắc công việc và đạo đức nghề nghiệp.

**MT3.3.** Chủ động tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp sử dụng nhân sự để điều chỉnh kỹ năng và nhận thức của bản thân về nghề nghiệp trước khi đi làm thực tế; tận dụng mọi cơ hội nâng cao khả năng sử dụng Tiếng Anh để giao tiếp, trao đổi và xử lý công việc hiệu quả hơn.

## 2. Chuẩn đầu ra (CĐR)

CĐR	Nội dung	Mục tiêu
<b>2.1.</b>	<b>Kiến thức</b>	
	<i>2.1.1. Kiến thức chung</i>	
CĐR1	- Trình bày được các quan điểm về triết học, kinh tế chính trị học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam và các tư tưởng của Hồ Chí Minh, hệ thống pháp luật Việt Nam. - Trình bày được các quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Quốc phòng – An ninh.	MT1.1 MT1.2
CĐR2	Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.	MT1.8
	<i>2.1.2. Kiến thức cơ bản</i>	
CĐR3	Nắm vững kiến thức tiếng Việt để sử dụng trong các nghiệp vụ liên quan đến ngoại ngữ.	MT1.5
CĐR4	Hiểu biết căn bản về văn hóa và giao thoa văn hóa giữa các nước trên thế giới.	MT1.4 MT1.6
	<i>2.1.3. Kiến thức chuyên môn</i>	
CĐR5	Nắm vững các kiến thức tiếng Anh trong giao tiếp và trong học thuật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tối thiểu tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	MT1.3
CĐR6	Nắm vững các kiến thức cơ bản về biên-phiên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.	MT1.5
CĐR7	Nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực Tiếng Anh thương mại.	MT1.5
CĐR8	Nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực Tiếng Anh du lịch, nhà hàng, khách sạn.	MT1.5

CĐR9	Nắm vững các kiến thức cơ bản về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh.	MT1.5
<b>2.2.</b>	<b>Kỹ năng</b>	
	<i>2.2.1. Kỹ năng cứng: Kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề</i>	
CĐR10	Có kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	MT2.2
CĐR11	Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản để hoạt động trong lĩnh vực dịch thuật Tiếng Anh.	MT2.1 MT2.2 MT2.3 MT2.4
CĐR12	Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản để hoạt động trong lĩnh vực thương mại bằng Tiếng Anh.	MT2.1 MT2.2 MT2.3 MT2.4
CĐR13	Thực hiện được các nghiệp vụ cơ bản để hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nhà hàng, khách sạn bằng Tiếng Anh.	MT2.1 MT2.2 MT2.3 MT2.4
CĐR14	Thực hiện được các bước giảng dạy kiểm tra, đánh giá và xử lý tình huống sư phạm.	MT2.1 MT2.2 MT2.3 MT2.4
	<i>2.2.2. Kỹ năng mềm: Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học</i>	
CĐR15	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và nghiên cứu khoa học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán và kỹ năng phản biện.	MT2.8
CĐR16	Có kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian, có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thích nghi với các	MT2.8



	môi trường làm việc khác nhau.	
CDR17	Thực hiện chính xác động tác kỹ thuật của ít nhất một môn thể thao đảm bảo rèn luyện sức khỏe cho người học.	MT2.7
CDR18	- Sử dụng được tiếng Nhật N5 tương đương bậc 1/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	MT2.6
	- Sử dụng được các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc liên quan đến chuyên môn.	MT2.5
<b>2.3.</b>	<b>Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm</b>	
CDR19	Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy tại doanh nghiệp, đơn vị; có ý thức tổ chức kỷ luật.	MT3.1
CDR20	Có ý thức trách nhiệm, tự học, không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ và giúp đỡ người khác; chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và của nhóm trước lãnh đạo cơ quan và đơn vị. Tuân thủ các nguyên tắc công việc và đạo đức nghề nghiệp.	MT3.2
CDR21	Có đạo đức trong sáng; lối sống lành mạnh, trung thực, văn minh; có tác phong mẫu mực, đoàn kết, làm việc khoa học; có ý thức phấn đấu vươn lên.	MT3.1 MT3.2 MT3.3
<b>2.4</b>	<b>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</b>	
	- Có thể làm việc ở các trung tâm ngoại ngữ, làm công tác học vụ, biên phiên dịch, lễ tân, thư kí và nhân viên văn phòng cho các công ty Việt Nam và nước ngoài, các cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế; - Có thể làm việc trong lĩnh vực chuyên môn như thương mại, du lịch, nhà hàng, khách sạn và các công việc liên quan khác trong doanh nghiệp.	
<b>2.5</b>	<b>Khả năng tự học và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</b>	
	Có khả năng tiếp tục học tập, nâng cao trình độ cao hơn thuộc lĩnh vực ngoại ngữ hoặc các lĩnh vực có liên quan.	

### 3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

STT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ	Đóng góp chuẩn đầu ra
1	Khối kiến thức chung/đại cương	21	1, 2, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21

2	Khởi kiến thức cơ sở	4	3, 4, 5, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21
3	Khởi kiến thức chuyên môn	44	5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21
4	Tự chọn (người học chọn 3 trong 9 môn học)	6	5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 19, 20, 21
5	Thực tập tốt nghiệp	10	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21
6	Khóa luận tốt nghiệp	5	2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21
	<b>Khối lượng kiến thức toàn khóa học (bao gồm cả Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh)</b>	<b>90</b>	

#### 4. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
CT32032	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
CT31033	Pháp luật	2	30	18	10	2
NV31002	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DT31008	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
AV32039	Tiếng Nhật	6	120	42	72	6
TI31002	Tin học	3	75	15	58	2
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>69</b>	<b>1575</b>	<b>522</b>	<b>999</b>	<b>54</b>

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>4</b>	<b>80</b>	<b>40</b>	<b>36</b>	<b>4</b>
VH31001	Tiếng Việt thực hành	2	40	20	18	2
AV32079	Giao thoa văn hóa	2	40	20	18	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>54</b>	<b>1225</b>	<b>422</b>	<b>759</b>	<b>44</b>
AV32056	Ngữ pháp 1	2	40	20	18	2
AV32069	Ngữ pháp 2	2	40	20	18	2
AV32007	Ngữ âm 1	2	40	20	18	2
AV32012	Ngữ âm 2	2	40	20	18	2
AV32047	Nghe 1	2	40	20	18	2
AV32048	Nghe 2	2	40	20	18	2
AV32049	Nghe 3	2	40	20	18	2
AV32044	Nói 1	2	40	20	18	2
AV32045	Nói 2	2	40	20	18	2
AV32046	Nói 3	2	40	20	18	2
AV32005	Đọc 1	2	40	20	18	2
AV32050	Đọc 2	2	40	20	18	2
AV32051	Đọc 3	2	40	20	18	2
AV32052	Viết 1	2	45	18	25	2
AV32053	Viết 2	2	45	18	25	2
AV32054	Viết 3	2	45	18	25	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
AV32071	Biên dịch	2	45	18	25	2
AV32072	Phiên dịch	2	45	18	25	2
AV32073	Tiếng Anh thương mại 1	2	45	18	25	2
AV32075	Tiếng Anh du lịch 1	2	45	18	25	2
AV 32015	Phương pháp giảng dạy 1	2	45	18	25	2
AV32077	Kỹ năng thuyết trình	2	45	18	25	2
DT32019	Thực tập tốt nghiệp	10	300	0	300	0
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn</b>					
<b>II.3.1</b>	<b>Tự chọn nhóm 1 (chọn 1 trong 3 môn sau)</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>
AV32078	Ngữ pháp nâng cao	2	40	20	18	2
AV32058	Viết thư tín	2	40	20	18	2
AV32082	Tiếng Anh khách sạn	2	40	20	18	2
<b>II.3.2</b>	<b>Tự chọn nhóm 2 (chọn 1 trong 3 môn sau)</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>
AV32080	Tiếng Anh trong văn bản thương mại	2	40	20	18	2
AV 32023	Phương pháp giảng dạy 2	2	40	20	18	2
AV32081	Tiếng Anh Nhà hàng	2	40	20	18	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>II.3.3</b>	<b>Tự chọn nhóm 3 (chọn 1 trong 3 môn sau)</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>2</b>
AV32074	Tiếng Anh thương mại 2	2	40	20	18	2
AV32076	Tiếng Anh du lịch 2	2	40	20	18	2
AV32063	Phương pháp giảng dạy 3	2	40	20	18	2
<b>II.3.4</b>	<b>Tự chọn nhóm 4 (chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 môn thay thế)</b>	<b>5</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>150</b>	<b>0</b>
AV32019	Đọc - Viết nâng cao	3	60	30	27	3
AV32083	Nghe - Nói nâng cao	2	40	20	18	2
AV32084	Khóa luận tốt nghiệp	5	150	0	150	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>90</b>	<b>2010</b>	<b>679</b>	<b>1254</b>	<b>77</b>

### 5. Ma trận chuẩn đầu ra môn học

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>																					
1	Giáo dục chính trị	x														x	x			x	x	x
2	Pháp luật	x														x	x			x	x	x
3	Giáo dục thể															x	x	x		x	x	x

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	chất																					
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	x														x	x			x	x	x
5	Tiếng Nhật															x	x		x	x	x	x
6	Tin học		x													x	x		x	x	x	x
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>																					
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>																					
7	Tiếng Việt thực hành			x												x	x		x	x	x	x
8	Giao thoa văn hóa				x	x					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>																					
9	Ngữ pháp 1					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
10	Ngữ pháp 2					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
11	Ngữ âm 1					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
12	Ngữ âm 2					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
13	Nghe 1					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
14	Nghe 2					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
15	Nghe 3					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
16	Nói 1					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
17	Nói 2					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
18	Nói 3					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
19	Đọc 1					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
20	Đọc 2					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
21	Đọc 3					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
22	Viết 1					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
23	Viết 2					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
24	Viết 3					x					x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
25	Biên dịch				x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
26	Phiên dịch				x	x	x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
27	Tiếng Anh thương mại 1				x	x		x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
28	Tiếng Anh du lịch 1				x	x		x			x	x		x		x	x		x	x	x	x
29	Phương pháp giảng dạy 1					x				x	x				x	x	x		x	x	x	x
30	Kỹ năng thuyết trình					x					x					x	x		x	x	x	x
31	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn</b>																					
<b>II.3.1</b>	<b>Tự chọn nhóm 1 (chọn 1 trong 3 môn sau)</b>																					
32	Ngữ pháp nâng cao					x					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
33	Viết thư tín				x	x					x	x		x	x	x	x		x	x	x	x
34	Tiếng Anh khách sạn				x	x		x			x			x		x	x		x	x	x	x

TT	Tên môn học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
<b>II.3.2</b>	<b>Tự chọn nhóm 2 (chọn 1 trong 3 môn sau)</b>																					
35	Tiếng Anh trong văn bản thương mại				x	x		x			x	x	x			x	x		x	x	x	x
36	Phương pháp giảng dạy 2					x				x	x				x	x	x		x	x	x	x
37	Tiếng Anh Nhà hàng				x	x		x			x				x		x	x		x	x	x
<b>II.3.3</b>	<b>Tự chọn nhóm 3 (chọn 1 trong 3 môn sau)</b>																					
38	Tiếng Anh thương mại 2				x	x		x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
39	Tiếng Anh du lịch 2				x	x		x			x	x			x		x	x		x	x	x
40	Phương pháp giảng dạy 3					x				x	x				x	x	x		x	x	x	x
<b>II.3.4</b>	<b>Tự chọn nhóm 4 (chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 môn thay thế)</b>																					
41	Đọc - Viết nâng cao					x					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
42	Nghe - Nói nâng cao					x					x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
43	Khóa luận tốt nghiệp		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x

## 6. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp Trung học Phổ thông hoặc tương đương.



## 7. Quy trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp

### 7.1. Phương thức đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

### 7.2. Tổ chức lớp học

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ.

- Số lượng người học tối thiểu của mỗi lớp tùy theo từng loại học phần được giảng dạy do Hiệu trưởng quyết định.

### 7.3. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập theo Quy chế đào tạo.

## 8. Phương pháp dạy – học và kiểm tra đánh giá

### 8.1. Phương pháp dạy – học

Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy và học như: thuyết trình– nêu vấn đề, thảo luận (lớp/ nhóm/ cặp), thực hành – luyện tập, giải quyết vấn đề, đóng vai, trực quan, trò chơi, sơ đồ tư duy góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

TT	Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Thuyết trình – nêu vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Thảo luận (lớp/ nhóm/ cặp)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
3	Thực hành – luyện tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Giải quyết vấn đề	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x
5	Đóng vai				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x			
6	Trực quan	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				x	x			
7	Trò chơi				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Sơ đồ tư duy	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	x

## 8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: tự luận, trắc nghiệm, thực hành, vấn đáp, bài tập lớn, thực tập góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện trong bảng sau:

TT	Phương pháp kiểm tra đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																				
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Tự luận	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
2	Trắc nghiệm	x			x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x
3	Thực hành		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Vấn đáp	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x	x	x
5	Bài tập lớn				x											x	x		x	x	x	x
6	Thực tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x

## 9. Các chương trình đào tạo trong nước và ngoài nước được tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh của các trường: Bách khoa Nam Sài Gòn, Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng, Cao đẳng Cần Thơ, Đại học Trà Vinh

- Chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm (Giảng dạy Tiếng Anh) của trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra, Thái Lan

## 10. Mô tả tóm tắt học phần

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
1	Giáo dục chính trị	4	Chương trình môn học cung cấp kiến thức khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.
2	Pháp luật	2	Chương trình môn học cung cấp một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.
3	Giáo dục thể chất	2	Chương trình môn học cung cấp một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	Chương trình môn học cung cấp kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng an ninh của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước về quốc phòng an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc; về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam. Môn học cũng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng và bảo quản một số vũ khí bộ binh, đặc điểm vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; đội hình lớp, khối; kỹ thuật 3 môn quân sự phối hợp.
5	Tiếng Nhật 1	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức ban đầu về tiếng Nhật như chữ viết, bảng chữ cái, các trường hợp đặc biệt trong tiếng Nhật như: âm dài, âm ghép, âm ảo..., những đặc trưng về cấu trúc đơn giản trong ngữ pháp tiếng Nhật.
6	Tiếng Nhật 2	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về thời gian, cấu trúc cú pháp diễn tả hành động, hành động diễn ra khi nào, làm việc gì với ai, ở đâu.. và một số chữ kanji cơ bản về số đếm, ngày tháng và công việc.
7	Tiếng Nhật 3	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về tính từ đuôi い và tính từ đuôi な, vị trí của tính từ trong trật tự cấu trúc câu, cách diễn đạt trạng thái của người nói đối với sự vật, sự việc, hiện tượng....., cách diễn tả sự tồn tại của sự vật, con người, đồ vật..... cách đếm đồ vật, người, khoảng thời gian, .... và một số chữ Kanji cơ bản về thời gian, động từ chuyển động, phương tiện giao thông, tính từ ...
8	Tin học	3	Chương trình môn học cung cấp nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.
9	Tiếng Việt thực hành	2	Chương trình môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại văn bản, phong cách ngôn ngữ và ngữ dụng học.

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
10	Giao thoa văn hóa	2	<p>Chương trình môn học cung cấp các kiến thức về (1) Các thuật ngữ về đa văn hóa và các nguyên tắc văn hóa (Intercultural terms and principles), (2) Các khía cạnh văn hóa (Cultural dimensions), (3) Văn hóa và Giao tiếp bằng lời (Culture and Verbal Communication), (4) Văn hóa và Giao tiếp phi ngôn ngữ, v.v. (Culture and Non-verbal Communication), (5) Giao thoa văn hóa trong dạy và học (Intercultural Communication and Teaching and Learning), (6) Giao thoa văn hóa trong môi trường thương mại (Intercultural Communication in Business settings), (7) Giá trị gia đình ở các nền văn hóa (Family values across cultures), (8) Sốc văn hóa (Culture shock), (9) Trở thành người giao tiếp tương đối thành công trong môi trường đa văn hóa (Becoming an interculturally competent communicator).</p>
11	Ngữ pháp 1	2	<p>Chương trình môn học cung cấp các chủ điểm ngữ pháp trong các ngữ cảnh quen thuộc trong cuộc sống để người học có thể xây dựng và hoàn thiện khả năng sử dụng tiếng Anh của mình. Các ngữ cảnh không chỉ giúp sinh viên có thêm hiểu biết về đất nước, cuộc sống và văn hóa Mỹ, nơi tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ, mà thông qua đó còn cung cấp thêm kiến thức về các vấn đề khoa học thường thức thú vị, cũng như những vấn đề đang được quan tâm trên toàn cầu: Cuộc sống sinh viên (Student life), Những điểm du lịch (Places to visit), Chỗ ở (Housing), Gia đình và tên gọi (Families and names), Hành tinh đang lâm nguy (Planet in danger), Tương lai của chúng ta (Our future), Ngành hàng không (Aviation), Mua sắm (Shopping), Lối sống lành mạnh (Healthy living), Những phụ nữ tuyệt vời (Great women), Những trải nghiệm trên đất Mỹ (American experiences), Mọi người đang di chuyển (People on the move).</p>
12	Ngữ pháp 2	2	<p>Chương trình môn học cung cấp các chủ điểm ngữ pháp trong các ngữ cảnh quen thuộc trong cuộc sống để người học có thể xây dựng và hoàn thiện khả năng sử dụng tiếng Anh của mình. Các ngữ cảnh không chỉ giúp sinh viên có thêm hiểu biết về đất nước, cuộc sống và văn hóa Mỹ, nơi tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ, mà thông qua đó còn cung cấp thêm kiến thức về các vấn đề khoa học thường thức thú vị, cũng như những vấn đề đang được quan tâm trên toàn cầu: Động vật (Animals).</p>

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			Các thế hệ (Generations), Thành công là gì? (What is Success?), Đám cưới (Weddings), Lễ Tạ Ơn, người hành hương, và người Mỹ bản địa (Thanksgiving, Pilgrims and Native Americans), Một hành tinh khỏe mạnh, một cơ thể khỏe mạnh (A Healthy Planet, a Healthy Body), Người nhập cư và người tị nạn (Immigrants and Refugees), Luật lệ và đề nghị (Rules and Recommendations), Cộng đồng ảo (Virtual Communities), Nghề nghiệp (Jobs), Tạo kết nối với bạn bè (Making Connections with Friends), Thể thao và vận động viên (Sports and Athletes), Luật pháp (The Law), Tiền bạc (Money).
13	Ngữ âm 1	2	Chương trình môn học cung cấp các khái niệm ngữ âm cơ bản và phương thức phát âm chuẩn tiếng Anh ở trình độ trung cấp. Môn học giúp sinh viên nhận dạng nguyên âm, phụ âm, trọng âm, và phân biệt các âm gần giống nhau trong Tiếng Anh. Sinh viên luyện âm và ngữ điệu để nâng cao mức độ chuẩn xác về mặt phát âm.
14	Ngữ âm 2	2	Chương trình môn học cung cấp các khái niệm ngữ âm cơ bản và phương thức phát âm chuẩn tiếng Anh ở trình độ trung cấp. Môn học giúp sinh viên nhận dạng phụ âm, trọng âm, và phân biệt các âm gần giống nhau trong Tiếng Anh. Sinh viên luyện âm và ngữ điệu để nâng cao mức độ chuẩn xác về mặt phát âm.
15	Nghe 1	2	Chương trình môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh nhằm giúp người học phát triển kỹ năng nghe thông qua các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày như: Giới thiệu tên/chào hỏi; Miêu tả người; Trang phục; Công việc thường ngày; Ngày tháng; Nghề nghiệp; Sở thích; Thể thao và Rèn luyện; Giải trí; Giá cả; Nhà hàng; Kỳ nghỉ.
16	Nghe 2	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh nhằm phát triển khả năng giao tiếp thông qua các hoạt động nghe trong lớp với kiến thức về các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày như: Hoạt động cuối tuần, Những người hàng xóm, Các lễ kỉ niệm, Rèn luyện sức khỏe, Tin nhắn điện thoại, Lời mời, Sở thích, Giải trí, Giao thông ...
17	Nghe 3	2	Chương trình môn học cung cấp các bài học được chọn lọc từ giáo trình <i>Tactics for Listening (Expanding)</i> và

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			<i>PET 6</i> . Các nội dung bài học giúp nâng cao kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh và trang bị kiến thức cho sinh viên về các chủ đề quen thuộc như cuộc sống thành thị, các thành phố, người nổi tiếng, tình bạn, du lịch, tin tức, ngày đặc biệt, ....
18	Nói 1	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về các chủ đề như: Bạn bè (Friends), Thời gian rảnh (Free time), Quá khứ (The Past), The Future (Tương lai), Computers (Máy tính) và Travel (Du lịch). Đồng thời, trong học phần này, sinh viên được làm quen và luyện tập với hình thức nói dựa theo tranh trên nền câu hỏi "Do you like these ...", phần 2 của KET (2020).
19	Nói 2	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về các chủ đề như: Tiền bạc (Money), Sức khỏe (Health), Giáo dục (Education), Môi trường (The environment), Hạnh phúc (Happiness) và Globalization (Toàn cầu hóa). Đồng thời, trong môn học này, sinh viên được làm quen và luyện tập nói với hình thức <i>Mô tả tranh</i> , phần 3 của cả PET ấn bản trước và ấn bản mới nhất năm 2019.
20	Nói 3	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về các chủ đề như: Cách ăn mặc (Dress Code), Điện thoại di động (Mobile phones), Cách ứng xử và phép xã giao (Manners and Etiquette), Tình nguyện (Volunteering), Hẹn hò (Dating) để người học có thể nâng cao kỹ năng nói của mình. Đồng thời, trong môn học này, người học được làm quen và luyện tập nói theo tình huống (Collaborative Task – Part 3) của khung tham chiếu châu Âu B2 (FCE) với ấn bản từ năm 2015.
21	Đọc 1	2	Chương trình môn học cung cấp 7 bài đọc được chọn lọc từ giáo trình <i>Inside Reading 1</i> và 6 bài đọc được lựa chọn từ giáo trình PET 2 và 3. Đọc 1 cung cấp cho người học các kỹ năng đọc cơ bản và hệ thống từ vựng về các chủ đề khác nhau của cuộc sống như kỹ thuật, y học, tiếp thị, xã hội học, tâm lý học, khoa học, thương mại. Mỗi bài luyện PET giúp người đọc thực hành các kỹ năng đọc cơ bản như: đọc lướt (skimming), đọc quét (scanning), đọc hiểu chi tiết, đoán nghĩa dựa trên ngữ cảnh.
22	Đọc 2	2	Chương trình môn học cung cấp 7 bài đọc trong giáo trình <i>Inside Reading 2</i> và 6 bài trong giáo trình PET 3

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			và 4. Mỗi nội dung bài đọc cung cấp cho người học các kỹ năng đọc cơ bản và hệ thống từ vựng về các chủ đề khác nhau của cuộc sống như công nghệ, văn học, khí tượng học, dinh dưỡng, địa chất học, báo chí và y học.
23	Đọc 3	2	Chương trình môn học cung cấp 7 bài đọc trong giáo trình <i>Inside Reading 3</i> và 6 đề thi trong giáo trình FCE 2 và 3. Mỗi nội dung bài đọc cung cấp cho người học các kỹ năng đọc nâng cao và hệ thống từ vựng học thuật về các chủ đề khác nhau của cuộc sống như: Nghệ thuật công cộng; Sức khỏe cộng đồng; Phim ảnh; Kỹ thuật; Khoa học về não bộ; Tâm lý học, Bản năng cạnh tranh.
24	Viết 1	2	Chương trình môn học cung cấp những kiến thức như: Khái niệm chung về đoạn văn; khái niệm, cấu trúc, ngữ liệu cơ bản của thể loại đoạn văn tường thuật, đoạn văn miêu tả, và đoạn văn cho ví dụ.
25	Viết 2	2	Chương trình môn học cung cấp những kiến thức như: khái niệm, cấu trúc, ngữ liệu cơ bản của thể loại đoạn văn Thể hiện quan điểm (Opinion), đoạn văn So sánh - Đối chiếu (Comparison - Contrast) và đoạn văn Vấn đề - Giải pháp (Problem - Solution) giúp người học viết đúng từng thể loại đoạn văn.
26	Viết 3	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về cấu trúc cơ bản của một bài luận, đồng thời cung cấp cho sinh viên khái niệm, cấu trúc và ngữ liệu cơ bản của thể loại bài luận trình bày/ bảo vệ ý kiến cá nhân (Evaluating Points of view/ Expressing an Opinion) và thể loại bài luận nêu vấn đề và đưa ra giải pháp (Discussing Problems and Solutions).
27	Biên dịch	2	Chương trình môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực dịch viết như: các vấn đề chung về dịch thuật, những bình diện dịch giả cần lưu ý khi dịch viết, quy trình trong biên dịch, các kỹ thuật trong dịch viết. Ngoài ra, môn học này còn giúp người học biết được cách khai thác các công cụ hỗ trợ dịch thuật để việc biên dịch nhanh chóng và hiệu quả.
28	Phiên dịch	2	Chương trình môn học cung cấp những khái niệm và các kiến thức cơ bản về Phiên dịch giúp người học phát triển kỹ năng phiên dịch căn bản trong một số chủ đề như Giáo dục, Thương mại-Du lịch, Công nghệ, Môi

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			trường và Phát triển cộng đồng.
29	Tiếng Anh thương mại 1	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực thương mại thông qua các chủ đề như Thương hiệu, Tổ chức, Sự thay đổi, Tiền tệ, Quảng cáo và Văn hóa.
30	Tiếng Anh du lịch 1	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch thông qua các chủ đề như: Nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch (Careers in tourism), Điểm đến (Destinations), Cơ sở vật chất trong khách sạn (Hotel facilities), Công ty lữ hành (Tour operators), Xử lý tình huống với khách hàng (Dealing with guests), và Đại lý du lịch (Travel agencies).
31	Phương pháp giảng dạy 1	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về một số phương pháp dạy phổ biến, phù hợp để dạy Từ vựng, Ngữ âm. Ngoài ra, môn học còn cung cấp ngôn ngữ, kỹ thuật tiến hành các hoạt động dạy và kỹ năng quản lý lớp học (classroom management) cũng như kỹ năng sửa lỗi, gợi mở cho học sinh, quản lý hoạt động nhóm, cặp và sử dụng đồ dùng dạy học... Môn học cũng hướng dẫn người học soạn các hoạt động giảng dạy và thực hành giảng dạy.
32	Kỹ năng thuyết trình	2	Chương trình môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và các bước tiến hành một bài diễn thuyết: phân tích người nghe, địa điểm, mục đích nói, chọn đề tài và lập dàn ý, tìm kiếm, thu thập dữ liệu, viết bài nói, trình bày bài nói, chuẩn bị các hình ảnh trực quan, luyện tập và thuyết trình, trả lời câu hỏi của thính giả. Người học sẽ được luyện tập các kỹ năng trình bày như ngữ điệu, ngắt giọng, nhấn âm, cử chỉ, điệu bộ, các thao tác với hình ảnh hỗ trợ...
33	Ngữ pháp nâng cao	2	Chương trình môn học cung cấp các chủ đề ngữ pháp trong các ngữ cảnh quen thuộc trong cuộc sống để người học có thể xây dựng và hoàn thiện khả năng sử dụng tiếng Anh của mình. Các ngữ cảnh không chỉ giúp sinh viên có thêm hiểu biết về đất nước, cuộc sống và văn hóa Mỹ, nơi tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ, mà thông qua đó còn cung cấp thêm kiến thức về các vấn đề khoa học thường thức thú vị, cũng như những vấn đề đang được quan tâm trên toàn cầu: Ngôn ngữ



STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
			(Language), Rủi ro (Risk), Điện ảnh (The Movies), Đi lại bằng đường bộ, hàng hải và hàng không (Travel by Land, Sea, and Air), Công nghệ (Technology), Tổng thống và bầu cử ở Mỹ (U.S. Presidents and Elections), Tương tác trực tuyến (Online Interactions), Giúp đỡ người khác (Helping Others), Nước Mỹ trong tương lai (Coming America), Trẻ em (Children), Khoa học hay khoa học viễn tưởng? (Science or Science Fiction?)
34	Viết thư tín	2	Chương trình môn học cung cấp cho người học hệ thống từ vựng, cấu trúc cách trình bày và các đặc điểm tiêu biểu của các dạng thư cơ bản (cảm ơn, hỏi thông tin, thư xin việc, thư khiếu nại...).
35	Tiếng Anh khách sạn	2	Chương trình môn học cung cấp các kiến thức cơ bản bằng tiếng Anh về lĩnh vực khách sạn giúp người học có thể sử dụng tiếng Anh trong một số tình huống liên quan đến lĩnh vực khách sạn như đặt phòng khách sạn, đón tiếp khách, giải quyết các tình huống trong quá trình lưu trú, và xin việc.
36	Tiếng Anh trong văn bản thương mại	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về định nghĩa, cấu trúc và ngữ liệu cơ bản để soạn thảo một số văn bản thương mại bằng tiếng Anh như thư yêu cầu, thư phản hồi, thư giới thiệu doanh nghiệp, mô tả sản phẩm, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, và báo cáo.
37	Phương pháp giảng dạy 2	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về một số phương pháp dạy phổ biến, phù hợp để dạy Ngữ pháp, và kỹ thuật để dạy các kỹ năng Đọc và Nói. Môn học cũng hướng dẫn người học soạn các hoạt động giảng dạy và thực hành giảng dạy.
38	Tiếng Anh Nhà hàng	2	Chương trình môn học cung cấp các kiến thức cơ bản bằng tiếng Anh về lĩnh vực nhà hàng giúp người học có thể sử dụng tiếng Anh trong một số tình huống liên quan đến lĩnh vực này như lễ tân, trả lời điện thoại, đón khách và sắp xếp chỗ ngồi, nhận đặt hàng, gọi món, giải quyết phàn nàn...
39	Tiếng Anh thương mại 2	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức cơ bản và giúp người học rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong một số chủ đề trong lĩnh vực thương mại như sử dụng lao động, thương mại, chất lượng, sự lãnh đạo, đổi mới và sự cạnh tranh.

STT	Tên học phần	Số TC	Mô tả
40	Tiếng Anh du lịch 2	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch thông qua các chủ điểm như: Đặt phòng khách sạn, Đi tham quan, Du lịch đó đây, Ăn tiệc, Truyền thống, Những loại hình du lịch đặc biệt.
41	Phương pháp giảng dạy 3	2	Chương trình môn học cung cấp kiến thức về một số phương pháp phổ biến và phù hợp để dạy học sinh thông qua vài module bài học như: (1) Chiến thuật để dạy kỹ năng Nghe, (2) Chiến thuật để dạy kỹ năng Viết (3) Phương pháp kiểm tra và đánh giá. (4) Tương tác trong lớp học, (5) Kỹ luật lớp học và Phát triển nghiệp vụ sư phạm. Người học cơ hội để soạn các hoạt động và thực hành giảng dạy.
42	Đọc - Viết nâng cao	3	Chương trình môn học cung cấp khái niệm, cấu trúc và ngữ liệu cơ bản của thể loại bài luận giải thích (Expository essay), tranh luận (Argumentative essay) và so sánh (Compare and Contrast essay) và 4 bài luyện đọc trong giáo trình FCE 4. Người học sẽ được rèn luyện kỹ năng viết luận và các kỹ năng đọc nâng cao.
43	Nghe - Nói nâng cao	3	Chương trình môn học cung cấp từ vựng, mẫu câu và các thông tin liên quan đến chủ đề Giáo dục và đời sống sinh viên, Nghề nghiệp và công việc, Ngôn ngữ và giao tiếp, Thị hiếu và sở thích và Lễ hội giúp người học có thể nghe hiểu và thảo luận hiệu quả các nội dung liên quan đến chủ đề đã học. Ngoài ra, người học sẽ hiểu rõ cấu trúc bài thi nghe-nói theo định dạng FCE tương đương với trình độ B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu.

## 11. Hướng dẫn sử dụng chương trình

### 11.1. Các môn học chung bắt buộc

Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động–Thương binh và Xã hội ban hành bao gồm:

Môn Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Pháp luật thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Môn Tin học thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trong trường hợp các Thông tư trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì chương trình của các môn học chung này được thực hiện theo các văn bản mới.

### 11.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Ngoài giờ học, sinh viên có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa bao gồm: Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị tổ chức, đoàn thể khác ... do Nhà trường, Đoàn trường và Hội Sinh viên tổ chức.

### 11.3. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học

- Sinh viên hoàn thành chương trình môn học và có đầy đủ các điều kiện theo quy định thì được dự thi kết thúc môn học;

- Thời gian, hình thức, nội dung và số lần thi kết thúc môn học được hướng dẫn cụ thể theo Quy chế đào tạo của nhà trường.

### 11.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Căn cứ kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Hiệu trưởng quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp;

- Hiệu trưởng nhà trường sẽ căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ, kết quả khóa luận tốt nghiệp của sinh viên và các quy định liên quan khác để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên theo quy định.

### 11.5. Các chú ý khác

Các vấn đề khác liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Quy chế đào tạo của nhà trường.

K. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. PHAN THẾ HẢI

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO  
VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

*Thư*

Trần Quý Anh

TRƯỞNG KHOA

*Kim Chi*

Nguyễn Thị Kim Chi

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		Học phần học trước
			Bắt buộc	Tự chọn	
		<b>Học kỳ I</b>	<b>18</b>		
1	CT32032	Giáo dục chính trị	4		
2	NV31002	Giáo dục thể chất 1	1		
3	AV32039	Tiếng Nhật 1	2		
4	TI31002	Tin học	3		
5	AV32044	Nói 1	2		
6	AV32047	Nghe 1	2		
7	AV32056	Ngữ pháp 1	2		
8	AV32007	Ngữ âm 1	2		
		<b>Học kỳ II</b>	<b>17</b>		
1	CT31033	Pháp luật	2		
2	NV31003	Giáo dục thể chất 2	1		Giáo dục thể chất 1
3	AV32040	Tiếng Nhật 2	2		Tiếng Nhật 1
4	AV32052	Viết 1	2		
5	AV32045	Nói 2	2		Nói 1
6	AV32048	Nghe 2	2		Nghe 1
7	AV32069	Ngữ pháp 2	2		Ngữ pháp 1
8	AV32012	Ngữ âm 2	2		Ngữ âm 1
9	AV32005	Đọc 1	2		
		<b>Học kỳ III</b>	<b>16</b>	<b>2</b>	
1	AV32041	Tiếng Nhật 3	2		Tiếng Nhật 2
2	VH31001	Tiếng Việt thực hành	2		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		Học phần học trước
			Bắt buộc	Tự chọn	
3	AV32050	Đọc 2	2		Đọc 1
4	AV32053	Viết 2	2		Viết 1
5	AV32046	Nói 3	2		Nói 2
6	AV32049	Nghe 3	2		Nghe 2
7	AV32079	Giao thoa văn hóa	2		Nghe 2, Nói 2, Đọc 1, Viết 1
8	AV32015	Phương pháp giảng dạy 1	2		Đọc 1, Viết 1, Nói 1, Nghe 1
9	AV32078	Ngữ pháp nâng cao		2	Ngữ pháp 2 Tự chọn học kỳ III TC
10	AV32058	Viết thư tín		2	Tự chọn học kỳ III 2 TC
11	AV32082	Tiếng Anh khách sạn		2	Tự chọn học kỳ III 2 TC
		<b>Học kỳ IV</b>	<b>14</b>	<b>2</b>	
1	DT31008	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4		
2	AV32054	Viết 3	2		Viết 2
3	AV32071	Biên dịch	2		Nghe 2, Nói 2, Đọc 2, Viết 2
4	AV32075	Tiếng Anh du lịch 1	2		Nghe 2, Nói 2
5	AV32051	Đọc 3	2		Đọc 2
6	AV32073	Tiếng Anh thương mại 1	2		Nghe 2, Nói 2
7	AV32080	Tiếng Anh trong văn bản thương mại		2	Nghe 2, Nói 2, Đọc 2, Viết 2 Tự chọn học kỳ IV 2TC
8	AV32023	Phương pháp giảng dạy 2		2	Phương pháp giảng dạy 1 Tự chọn học kỳ IV 2TC

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		Học phần học trước
			Bắt buộc	Tự chọn	
9	AV32081	Tiếng Anh Nhà hàng		2	Tự chọn học kỳ IV 2TC
		<b>Học kỳ V</b>	<b>4</b>	<b>7</b>	
1	AV32077	Kỹ năng thuyết trình	2		Nói 3, Nghe 3
2	AV32072	Phiên dịch	2		Nghe 3, Nói 3, Đọc 3, Viết 3
3	AV32076	Tiếng Anh du lịch 2		2	Tiếng Anh du lịch 1 Tự chọn học kỳ V 2 TC
4	AV32074	Tiếng Anh thương mại 2		2	Tiếng Anh thương mại 1 Tự chọn học kỳ V 2TC
5	AV32063	Phương pháp giảng dạy 3		2	Phương pháp giảng dạy 2 Tự chọn học kỳ V 2TC
6	AV32019	Đọc - Viết nâng cao		3	Đọc 3, Viết 3 Tự chọn khóa luận tốt nghiệp
7	AV32083	Nghe - Nói nâng cao		2	Nghe 3, Nói 3 Tự chọn khóa luận tốt nghiệp
8	AV32084	Khóa luận tốt nghiệp		5	Tự chọn khóa luận tốt nghiệp
		<b>Học kỳ VI</b>	<b>10</b>		
1	DT32019	Thực tập tốt nghiệp	10		
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh)</b>			<b>84</b>		

**Phụ lục 1**  
**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ – CĐSP ngày tháng năm của Hiệu trưởng)*

Tên ngành, nghề: Tiếng Anh. Mã ngành, nghề: 6220206.

HỌC KỶ 1		HỌC KỶ 2		HỌC KỶ 3		HỌC KỶ 4		HỌC KỶ 5		HỌC KỶ 6
Các môn học chung hoặc cơ sở		môn học chung hoặc cơ sở		Các môn học cơ sở hoặc chuyên môn		Các môn học chuyên môn		Các môn học chuyên môn		Các môn học chuyên môn
Giáo dục chính trị		Pháp luật		Tiếng Việt thực hành		Biên dịch		Phiên dịch		Thực tập tốt nghiệp
Tin học		Viết 1		Viết 2		Viết 3		Kỹ năng thuyết trình		
Giáo dục thể chất 1		Giáo dục thể chất 2		Tự chọn 1		Tự chọn 2		Tự chọn 3		
Tiếng Nhật 1		Tiếng Nhật 2		Tiếng Nhật 3		Tiếng Anh du lịch 1				
Nói 1		Nói 2		Nói 3		Giáo dục Quốc phòng-An ninh		Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 môn thay thế		
Nghe 1		Nghe 2		Nghe 3		Tiếng Anh thương mại 1				
		Đọc 1		Đọc 2		Đọc 3				
Ngữ âm 1		Ngữ âm 2		Phương pháp giảng dạy 1						
Ngữ pháp 1		Ngữ pháp 2		Giao thoa văn hóa						
18-TC		17-TC		18-TC		16-TC		11-TC		10-TC

